

CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

**NỘI QUY
CẢNG BIỂN THANH HÓA**

Thanh Hóa - 2020

Số: 1018/QĐ-CVHHTH

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 44/2016/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ.TCCB ngày 19 tháng 02 năm 1990 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục đường biển về việc thành lập Ty Cảng vụ Thanh Hóa; Quyết định số 274/1999/QĐ-CHHVN ngày 11 tháng 11 năm 1999 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam về việc đổi tên Ty Cảng vụ Thanh Hóa thành Cảng vụ Thanh Hóa trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam (nay là Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa);

Căn cứ công văn số 3152/CHHVN-PC ngày 03 tháng 09 năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Nội quy cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 208/QĐ-CVHHTH ngày 26 tháng 03 năm 2020 của Giám đốc Cảng vụ Thanh Hóa ban hành Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và các quy định trước đây của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa liên quan đến hoạt động hàng hải tại các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa trái với Nội quy này.

Điều 3: Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hoạt động liên quan đến các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Trưởng Đại diện, Trưởng Trạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục HHVN;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đơn vị liên quan;
- Các doanh nghiệp cảng;
- Các chủ tàu và các Đại lý tàu biển;
- Lưu: VT, PC.

GIÁM ĐỐC

(**đã ký**)

Đặng Văn Ba

Thanh Hoa, 23rd September 2020

No: 1018/QD-CVHHTH

DECISION

On issuing seaport regulation of Thanh Hoa province

Pursuant to the Viet Nam Maritime Code dated 2015;

Pursuant to the Decree No. 58/2017/ND-CP dated May 10, 2017 of the Government on regulating a number of articles of the Vietnam Maritime Code 2015 on the management of maritime operations;

Pursuant to the Circular No. 44/2016/TT-BGTVT dated December 26, 2016 of the Minister of Transport on the announcing seaport waters in the territory of Thanh Hoa province and areas under the management of the Maritime Administration of Thanh Hoa;

Pursuant to the Decision No. 86/QD-TCCB dated February 19, 1990 of the Administrator of the Viet Nam Maritime Administration on the establishment of Thanh Hoa Maritime Administration; Decision No. 274/1999/QD-CHHVN dated November 11, 1999 of the Administrator of the Viet Nam Maritime Administration on changing the name of Thanh Hoa Maritime Administration to Maritime Administration of Thanh Hoa province under the Viet Nam Maritime Administration;

Pursuant to document No. 3152/CHHVN-PC dated September 3, 2020 of the Viet Nam Maritime Administration on the approval of the seaport regulation of Thanh Hoa province;

At the proposal of the Manager of legislation Division.

HEREBY DECIDES:

Article 1: To issue together with this Decision the seaport regulation of Thanh Hoa province.

Article 2: This decision shall come into effect from the date of signing. To annul Decision No. 208/QD-CVHHTH dated March 26, 2020 of the Director of the Maritime Administration of Thanh Hoa province in promulgating the seaport regulation of Thanh Hoa province and the previous regulations of the Maritime which are contrary to this regulation.

Article 3: Organizations, individuals, Vietnamese and foreign seagoing vessels, competent agencies related to seaports in Thanh Hoa province, Head of Departments, Chief Representatives, Chief of stations are responsible for implementing this decision.

Recipients:

- As in Article 3;
- VINAMARINE;
- Thanh Hoa People Committee;
- Related units;
- Seaports businesses;
- Ship owners and Ships Agencies;
- Archive: VT, PC.

DIRECTOR

(signed)

Dang Van Ba

NỘI QUY CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH THANH HÓA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1018/QĐ-CVHHTH
ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Cảng vụ
Hàng hải Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là cảng biển Thanh Hóa) trên cơ sở quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP), Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa và Quyết định của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam về công bố ranh giới khu nước, vùng nước và vùng nước trước cầu cảng thuộc cảng biển Thanh Hóa.

2. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa được quy định tại Thông tư số 44/2016/TT-BGTVT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa, bao gồm 02 khu vực hàng hải: Khu vực hàng hải Lệ Môn và khu vực hàng hải Nghi Sơn.

SEAPORT REGULATION OF THANH HOA PROVINCE

*(Issued as an attachment to Decision No.1018/QĐ-CVHHTH
dated September 23, 2020 of the Director of Maritime
Administration of Thanh Hoa)*

Chapter I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of application

1, These regulations shall regulate the maritime activities at seaport waters within the territory of Thanh Hoa Provinces and the management areas of the Maritime Administration of Thanh Hoa (hereinafter referred to Thanh Hoa seaports) on the basis of the provisions of the Decree No.58/2017/ND-CP dated 10/5/2017 promulgated by the Government on guidelines for some articles of the Vietnam Maritime Code on management of maritime operations (hereinafter referred to as Decree No. 58/2017/ND-CP), Circular of the Minister of Transport announcing the seaports waters of Thanh Hoa province and management areas of Maritime Administration of Thanh Hoa, and Decision of the Administrator of the Vietnam Maritime Administration on the announcement of water zones, water areas and seaport water area of Thanh Hoa seaports.

2. Seaport waters of Thanh Hoa province is stipulated in Circular No. 44/2016/TT-BGTVT dated 26/12/2016 of the Ministry of Transport on announcement of the seaport waters of Thanh Hoa province and the management area of Maritime Administration of Thanh Hoa, including 02 maritime zone: Le Mon maritime zone and Nghi Son maritime zone.

3. Các quy định về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tại Nội quy này cũng được áp dụng đối với cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động hàng hải tại cảng biển Thanh Hóa.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Thanh Hóa

Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Thanh Hóa là Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Cảng vụ), gồm có:

1. Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Điện thoại: 0237 - 3722263; 0237-3911286;

- Fax: 0237 - 3722264;

- Email: cangvu.tha@vinamarine.gov.vn;

- Website : <http://cangvuhhthanhhoa.com.vn>

2. Đại diện Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa tại cảng Nghi Sơn.

- Địa chỉ: Đường 513, thôn Nam Yến, xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Điện thoại: 0237 - 3862289;

- Fax: 0237 - 3862291;

- Email: cangvunghison@gmail.com

3. The provisions on maritime safety and environmental pollution prevention in these Regulations shall also apply to military ports, fishing ports and inland waterway ports located within the seaport waters.

Article 2. Subjects of application

These Regulations shall apply to Vietnamese and foreign organizations, individuals and vessels operating in the seaport waters of Thanh Hoa seaports.

Article 3. State management agency on maritime fields at Thanh Hoa province

The agency performing the function of State management over maritime operation at seaport of Thanh Hoa province is Maritime Administration of Thanh Hoa (hereinafter referred to as the Maritime Administration), contact detail as bellow:

1. Headquarter

- Address: Le Loi road, Dong Huong province, Thanh Hoa city, Thanh Hoa;

- Telephone: 0237 - 3722263; 0237-3911286;

- Fax: 0237 - 3722264;

- Email: cangvu.tha@vinamarine.gov.vn;

- Website : <http://cangvuhhthanhhoa.com.vn>

2. Representative of Maritime Administration of Thanh hoa in Nghi Son port.

- Address: 513 str, Nam Yen village, Hai Yen commune, Nghi Son, Thanh Hoa;

- Telephone: 0237 - 3862289;

- Fax: 0237 - 3862291;

- Email: cangvunghison@gmail.com

3. Trạm Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa tại Lũ Mũn

- Địa chỉ: Cảng Lũ Mũn, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa;

- Điện thoại: 0237-3911286;

- Email: cangvulemon1369@gmail.com

3. Maritime Administration of Thanh Hoa station in Le Mon

- Address: Le Mon port, Quang Hung province, Thanh Hoa city;

- Telephone: 0237-3911286;

- Email: cangvulemon1369@gmail.com

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN VÀ RỜI CẢNG BIỂN

Điều 4. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời cảng biển

1. Tàu thuyền đến, rời vùng nước cảng biển Thanh Hóa phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Mục 1, 2, 3, 4 và Mục 5 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến, rời vùng nước cảng biển Thanh Hoá phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, chiều cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, chuyển tải đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Thủ tục thông báo, xác báo tàu thuyền đến và rời cảng

1. Việc thông báo, xác báo tàu biển đến cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, 88, Mục 4, Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc thông báo tàu thuyền rời cảng biển thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 87, Mục 4, Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chapter II

SPECIFIC REGULATIONS

Section 1

PROCEDURES FOR VESSELS ARRIVING AND LEAVING SEAPORTS

Article 4. General requirements on vessels entering seaports

1. Vessels entering, leaving the seaport waters of Thanh Hoa shall satisfy the conditions stipulated at Section 1, 2, 3, 4 and section 5, Chapter IV of Decree No. 58/2017/ND-CP and other relevant provisions of law.

2. Apart from the provisions in Clause 1 this Article, vessels entering, leaving the seaport waters of Thanh Hoa shall have the length, deadweight, draft, air draft and other relevant technical specification suitable to the permissible conditions of channel, berths, floating terminal and anchorage areas promulgated by competent agencies. Other cases shall be considered and decided by the Director of Maritime Administration or submitted to a competent agency for consideration and decision.

Article 5. Procedures for notification and confirmation of vessel's arrival at and departure from seaport

1. Notification and confirmation of vessels arriving at seaport shall comply with the provisions at Articles 87, 88, Section 4, Chapter IV Decree No. 58/2017/ND-CP of the Government.

2. Notification and confirmation of vessels departing from seaport shall comply with the provisions at Clause 2, Article 87, Section 4, Chapter IV Decree No. 58/2017/ND-CP of the Government.

3. Đối với tàu thuyền không bắt buộc phải sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo quy định tại khoản 3, Điều 247, Chương XI, Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, chậm nhất là 60 phút trước khi đến vùng nước cảng biển Thanh Hóa phải liên lạc với Cảng vụ để được hướng dẫn hành hải và chỉ được hành trình vào luồng sau khi có sự chấp thuận của Cảng vụ.

4. Tàu thuyền chỉ hành trình qua vùng nước cảng biển nhưng không dừng lại thì chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước phải thông báo qua VHF hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác cho Cảng vụ biết về tên tàu, chiều dài, mớn nước, chiều cao tĩnh không, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm (nếu có) và thời gian dự kiến hành trình của tàu trong vùng nước cảng biển.

Điều 6. Điều động tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Giám đốc Cảng vụ quyết định điều động tàu thuyền vào cảng biển và trong vùng nước cảng biển theo quy định có liên quan của pháp luật. Việc điều động tàu thuyền được thực hiện bằng lệnh điều động. Trong trường hợp cần thiết, việc điều động tàu thuyền có thể được thực hiện bằng VHF, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin thích hợp khác.

Điều 7. Quy định về thủ tục đối với tàu thuyền

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, vào, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện như sau:

a) Tàu biển làm thủ tục theo quy định tại Mục 4, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. In case the vessel are not required to use pilot service as stipulated in Clause 3, Article 247, Chapter XI, the Maritime Code 2015, no later than 60 minutes before the vessel's arrival to Thanh Hoa, the master shall report the self-piloting ship to the Maritime Administration for navigating instruction and shall only enter channels after getting approval from the Maritime Administration.

4. Vessels navigating through the seaport waters without stopping shall notifying the Maritime Administration through VHF or another appropriate communication means, no latter than 30 minutes before entering the water areas, about Name, length, deadweight, draft, air draft, dangerous goods (if any) and estimated time of the ship's voyage in the seaport waters.

Article 6. Maneuvering of vessels in the seaport waters

The Director of Maritime Administration shall decide the maneuvering of vessels in accordingly to laws provision. The maneuvering of vessel will be done by dispatch order. If necessary, the maneuvering of vessels could be carried out by VHF, , telephone or other suitable communication means.

Article 7. Procedures for vessel

1. Procedures for vessel's arrival at, departure from and operating in seaport water as bellow:

a) Sea vessels shall comply with the provisions prescribed in Section 4, Chapter IV Decree No. 58/2017/ND-CP.

b) Phương tiện thủy nội địa làm thủ tục vào, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Mục 5, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại điểm c và điểm đ, khoản 1 Điều này.

c) Phương tiện thủy nội địa nhập cảnh, xuất cảnh tại cảng biển thực hiện thủ tục như đối với tàu biển quy định tại các Điều 87, 88, 89 và 90, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

d) Tàu cá thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy sản.

đ) Tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các điểm b, c của khoản 1 Điều này làm thủ tục theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cầu, bến cảng biển và cảng, bến thủy nội địa trong một vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 73, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Quy định miễn, giảm thủ tục đến, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 74, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện hoạt động đặc thù thực hiện theo quy định tại Điều 75, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

b) Inland watercraft arriving at or departure from seaport shall follow the provisions prescribed in Section 5, Chapter IV Decree No. 58/2017/ND-CP, excluding cases regulated at Subsection c and Subsection đ of Clause 1 of this Article.

c) Inland watercraft entering or exit from Viet Nam through seaport shall follow the provisions for sea vessels which had prescribed in Article 87, 88, 89 and 90 Decree No. 58/2017/ND-CP.

d) Fishing vessels comply with the provisions of the fisheries laws and regulations.

đ) Military vessels, public service vessels, submarines, seaplane vessels, and inland watercrafts classified as VR-SB and other watercraft which not regulated at Subsections b, c of Clause 1, this Article shall comply with the provisions of Subsection a, Clause 1 this Article and other relevant provisions of law.

2. Procedures for Vessels arrival at and departure from seaport, wharf, inland waterway port within seaport waters or maritime zone shall comply with the provisions of Articles 73 Decree No. 58/2017/ND-CP.

3. Regulations on exemption or reduction of procedures for arrival and departure from seaports for special cases shall comply with the provisions of Article 74 of Decree No. 58/2017 / ND-CP

4. Procedures for foreign vessels performing special activities are specified in Article 75 Decree No. 58/2017 / ND-CP.

Điều 8. Thủ tục cho tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển; phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển

1. Việc giải quyết thủ tục cho tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển và hoạt động trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 89, 90, 91, 94, 95, 96, 97 và 98, Mục 4, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc giải quyết thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 99 và 100, Mục 5, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm c và điểm đ, khoản 1 Điều 7.

3. Địa điểm làm thủ tục

a) Khu vực Nghi Sơn: tại Đại diện Cảng vụ Hàng hải Thanh Hoá tại Nghi Sơn.

b) Khu vực Lê Môn: tại trụ sở chính Cảng vụ Hàng hải Thanh Hoá.

c) Trường hợp làm thủ tục tại tàu: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 77, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thời gian làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng 24/24 giờ trong ngày, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ.

Điều 9. Thủ tục điện tử đối với tàu thuyền

Thực hiện theo quy định tại Mục 3, Chương IV, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Article 8. Procedures for seagoing ships to enter, exit, arriving at or departure from a seaport and operate within seaport waters; Inland waterway vehicles entering and leaving seaports

1. The procedures for seagoing ships to enter, exit, arriving at or departure from a seaport and operate within a seaport waters shall comply with Articles 89, 90, 91, 94, 95, 96, 97 and 98. Section 4, Chapter IV, Decree No. 58/2017/ND-CP of the Government.

2. Procedures for inland watercraft's arrival at and departure from seaport shall comply with the provisions of Articles 99 and 100 Decree No. 58/2017/ND-CP of the Government, excluding cases regulated at Subsection c and Subsection đ, Clause 1, Article 7.

3. Places for procedures formality

a) Nghi Son areas: at the Representative of Maritime Administration of Thanh hoa in Nghi Son

b) Le Mon areas: at the Maritime Administration headquarter.

c) Procedure formality at vessel: as provisions prescribed at Clause 3, Article 77, Decree No. 58/2017/ND-CP of the Government

4. Time available for procedures formality of vessel entering and leaving the port is 24/24 hours a day, including holidays.

Article 9. Electronic procedures for ships and ships

Comply with the provisions of Section 3, Chapter IV, Decree No. 58/2017 / ND-CP of the Government and other relevant laws.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI KHÁC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 10. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác tại cảng biển

1. Thủ tục phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Trình tự, thời hạn và thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Thủ tục phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông

Trình tự, thời hạn và thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

3. Thủ tục phê duyệt phương án cho tàu thuyền neo chờ

Trình tự, thời hạn và thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 66, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

4. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 62, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

5. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, tàu thuyền chuyên dùng để nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác.

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3, Điều 62, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Section 2
PROCEDURES FOR OTHER MARITIME
ACTIVITIES AT SEAPORTS

Article 10. Procedures for other maritime activities at seaports

1. Procedures for approving maritime safety assurance plan

The order steps, time limit and procedures are specified in Article 8 of Decree No. 58/2017 / ND-CP.

2. Procedures for approving traffic safety plan

The order steps, time limit and procedures shall comply with the provisions of law on dredging management in seaport waters and inland waterways.

3. Procedures for approving vessel's anchoring plan

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Article 66 Decree No. 58/2017 / ND-CP.

4. Procedures for diving activities or other underwater works

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Subsection e, Clause 2, Article 62, Decree No. 58/2017 / ND-CP.

5. Procedures for vessels participating in the construction of marine structures, specialized vessels for dredging channels, exploiting sand or floating cranes and other construction equipment.

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Clause 3, Article 62, Decree No. 58/2017 / ND-CP.

6. Thủ tục cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 3, Điều 110, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

7. Thủ tục sửa chữa, thử máy, thử còi, vệ sinh tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 4, Điều 106 và khoản 9, Điều 113, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

8. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 118, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

9. Thủ tục đăng ký, tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại khoản 1, Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Thủ tục chạy thử tàu

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

11. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Procedures for Mobile bottom-set gillnetting, dredging and trawling nets or other means of fishing

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Clause 3, Article 110, Decree No. 58/2017 / ND-CP.

7. Procedures for repairing, testing engines, testing horns and cleaning ships

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Clause 4, Article 106 and Clause 9, Article 113, Decree No. 58/2017 / ND-CP.

8. Procedures for removes seals at the valves, equipment of vessels where toxic substances can escape or waste or dirty water may be discharged through said valves, equipment of vessels.

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Article 118, Decree No. 58/2017 / ND-CP.

9. Procedures for registration, receipt and treatment of oil-containing liquid waste from ships

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Clause 1, Article 117, Decree No. 58/2017/ND-CP and other other relevant laws.

10. Procedures for Shakedown Testing

The order steps, time limit and procedures shall comply with the prescribed provisions of Article 98 Decree No. 58/2017/ND-CP

11. Procedures for receives a sea protest

The order steps, time limit and procedures shall comply with the Circular of the Minister of Transport providing for the order steps and procedures for confriming the submission of sea protests and relevant regulations of law.

12. Thủ tục thẩm định - phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư của Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển và các quy định pháp luật có liên quan.

13. Thủ tục phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.

14. Thủ tục phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giao thông đường thủy nội địa, các quy định khác có liên quan của pháp luật.

15. Thủ tục tạm giữ tàu biển để điều tra tai nạn hàng hải

Trình tự, thực hiện theo Điều 70 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

12. Procedures for appraisal - approval of seaport security assessment

The order steps, time limit and procedures are specified in the Circular of the Ministry of Transport applying the 2002 amendment and supplement of the 1974 International Convention for the safety of at sea enclosed with the The International Ship and Port Facility Security Code and relevant legal regulations.

13. Procedures for approving salvage sunken property plan

The order steps, time limit and procedures are in accordance with the Government's Decree on the handling of sunken property on inland waterways, seaport waters and Vietnamese waters and relevant regulations of law.

14. Procedures for approving the plan of transporting of super-long and super-weight goods inland watercraft.

The order steps, time limit and procedures are prescribed in the Government's Decree detailing and implementing measures of articles of the Vietnamese Inland Waterway Law and the Amending and Supplementing a Number of Articles of the Law on inland waterway navigation, other relevant regulations of the law.

15. Procedures for temporary ship detention for marine accident investigation

Order steps and implementing in accordance with Article 70 of Decree No. 58/2017/ND-CP

Mục 3

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 11. Sử dụng phương tiện thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có thể liên lạc trực tiếp với Cảng vụ thông qua Trung tâm giám sát và điều phối giao thông hàng hải Nghi Sơn (Trung tâm VTS Nghi Sơn), trên kênh VHF hoặc qua điện thoại, fax, email quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Tàu thuyền thuộc đối tượng áp dụng Quy chế quản lý hoạt động của Trung tâm VTS Nghi Sơn hoạt động trong vùng nước cảng biển Nghi Sơn phải duy trì trực VHF liên tục 24/24 giờ và liên lạc với Trung tâm VTS Nghi Sơn thông qua các kênh liên lạc được quy định tại quy chế VTS Nghi Sơn để được chỉ dẫn. Trường hợp tàu thuyền không thuộc đối tượng áp dụng Quy chế hoạt động của Trung tâm VTS Nghi Sơn, khi hoạt động hoặc di chuyển qua vùng nước cảng biển Nghi Sơn có thể liên lạc với Trung tâm VTS Nghi Sơn để được chỉ dẫn hàng hải.

3. Việc sử dụng thiết bị thông tin liên lạc được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Trung tâm VTS Nghi Sơn và các yêu cầu sau:

a) Ngôn ngữ sử dụng liên lạc trên kênh VHF là tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

b) Kênh trực canh VHF: 16;

c) Kênh làm việc VHF: 14;

d) Kênh liên lạc với hoa tiêu VHF: 09;

đ) Trong trường hợp cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc qua Đài thông tin Duyên hải Thanh Hóa;

Section 3

COMMUNICATION AT THE SEAPORT

Article 11. Usage of Communication means

1. Organization, individual and vessel shall be able to directly contact the Maritime Administration through the Nghi Son marine traffic monitoring and control center (Nghi Son VTS Center), by VHF channels or telephone, fax, email as prescribed at Article 3 of this Regulation.

2. Vessels subject to the application of the Regulation on operation management of Nghi Son VTS Center which operating in Nghi Son seaport waters must maintain 24/24 continuous VHF communication and had to contact Nghi Son VTS Center through communication channels that prescribed in the VTS Nghi Son regulation for guidance. In case ships are not subject to the application of said Regulations, when operating or navigating across the waters of Nghi Son seaport, could contact Nghi Son VTS Center for navigational instructions.

3. The usage of communication equipments shall comply with the Operation Regulation of Nghi Son VTS Center and the following requirements:

a) Language used for communication on VHF channel is Vietnamese or English;

b) VHF watch-keeping: 16;

c) Working channels VHF: 14;

d) Communication channel with pilot VHF: 09;

dd) In case of necessity, ships may communicate through Thanh Hoa Coastal Information Station;

e) Sử dụng trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và phải chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau;

f) Tất cả tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 14, 16. Nghiêm cấm tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển sử dụng VHF vào mục đích riêng trên kênh 16.

Điều 12. Xác báo thông tin về điều động tàu thuyền

1. Ngay sau khi kết thúc việc cập cầu, cập phao, cập mạn hoặc neo đậu an toàn, tàu thuyền phải thông báo qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ biết: tên tàu, vị trí và thời gian kết thúc.

2. Trước khi rời cầu, bến phao, khu neo đậu, tàu thuyền phải thông báo qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ biết: tên tàu, vị trí, thời gian rời.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 13. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015; Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

e) For communication on watch-keeping channel, the calling and answer must be done quickly and switch to working channel right after successfully contacting each other;

f) All vessels, organizations and individuals must not interfere with the Maritime Administration's communications on channels 14, 16. Vessels are strictly forbidden to use VHF for the private purposes on channel 16 while operating in the seaport waters.

Article 12. Verifying the maneuvering of vessels

1. After completed to berth, unberth, alongside other vessel or safely anchoring, vessel has to notifying the Maritime Administration through VHF or other communication means the following information: vessel name, position and completing time.

2. Before maneuvering vessel to depart from wharf or floating terminal, anchorage area, vessel have to notifying the Maritime Administration through VHF or other communication means the following information: vessel name, position and departure time.

Section 4

MARINE PILOTAGE SERVICE

Article 13. Requirement for marine pilotage service

Marine pilotage service in seaport waters shall comply with the provisions in Chapter XI of the Vietnam Maritime Code; Section 6 Chapter IV Decree No. 58/2017/ND-CP, and other relevant provisions of the law.

Điều 14. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang bị các thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của hoa tiêu dẫn tàu

1. Hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Điều 103, 104 và 105 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng VHF cho Cảng vụ biết những nội dung sau:

a) Thời điểm lên tàu, thời điểm bắt đầu và kết thúc thực hiện việc dẫn tàu ngay sau khi lên tàu và ngay trước khi chuẩn bị rời tàu.

b) Tình hình dẫn tàu, những thay đổi có tính chất nguy hiểm, ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển và những tai nạn, sự cố hàng hải xảy ra với tàu do mình dẫn hoặc phát hiện được trong quá trình dẫn tàu.

Article 14. Requirement for embarking / disembarking pilot

When approaching a pilot boat for embarking or disembarking the pilot, the vessel shall reduce her speed to the lowest extent possible so as to be able to respond the steering orders, keep contact with pilot on the designated VHF channel and rig the pilot ladder on the leeward or by request of the pilot. Pilot ladders shall be arranged with adequate illumination at night, watchstander and life-saving equipment.

Article 15. Responsibilities and obligations of a pilot

1. Pilots when performing duty shall strictly exercise their rights and obligations as stipulated at Chapter XI of the Vietnam Maritime Code, Article 103, 104 and 105 Decree No. 58/2017/ND-CP and other relevant provisions of law.

2. In addition to the provisions in Clause 1 this Article, the pilot while on duty are responsible to notifying through VHF to Maritime Administration the following information:

a) Immediately after boarding and while preparing to leave the ship: Boarding time, the starting and the ending time stamp of conducting navigation of the vessel.

b) Situation of navigating vessel, dangerous changes which may impact maritime safety and security, prevention of environmental pollution in seaport waters and marine accidents and incidents related to current leading vessel or discovered during the navigation of the vessel.

3. Trường hợp tai nạn hàng hải xảy ra liên quan đến tàu thuyền do mình dẫn thì ngay sau khi rời tàu, hoa tiêu phải báo cáo bằng văn bản cho Cảng vụ. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu dẫn tàu, diễn biến tai nạn hàng hải, các biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có).

Điều 16. Nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 247 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và Khoản 2, Điều 104 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP chậm nhất 02 giờ trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ về việc tự dẫn tàu và xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải khi được yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (nếu có) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, công nhân buộc cởi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. In case where maritime accident or incident occur to the vessel on which pilot is on duty, the pilot shall report in writing to the Maritime Administration before leaving the vessel. The report must clearly indicate: the name of pilot, description of accident or incident and remedial measures taken to deal with consequences, the results of such measures and proposals thereof (if any).

Article 16. Duties of the master performing pilotage work himself

In case the master being allowed to pilot the ship himself as stipulated in Subsection d, Clause 3, Article 247 Maritime Code 2015 and Clause 2, Article 104 Decree No. 58/2017/ND-CP, not later than 02 hours before the vessel's maneuver, the master shall report the self-piloting ship to the Maritime Administration and present the Certificate of Maritime Pilotage Competency, Certificate for Maritime Pilotage Area when requested.

Article 17. Responsibilities for coordination among pilot, master and the seaports enterprises

Before maneuvering, piloting ship to arrive at/depart from wharf, terminal; master or pilot shall contact to tugboats's master (if any) and the seaport enterprises to confirm their readiness. In case the tugboats, wharf, mooring men are not ready, the master or pilot shall immediately report to the Maritime Administration for timely handling.

Mục 5

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 18. Yêu cầu đối với hoạt động của tàu thuyền

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại các Điều 61, 62, 63, 64, 65, 66, 68, 69 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ được thể hiện dưới các hình thức sau:

a) Lệnh điều động điện tử;

b) Lệnh điều động giấy;

c) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc các thông tin liên lạc khác trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết.

3. Thuyền trưởng và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ. Trường hợp không thể thực hiện theo Lệnh điều động, phải thông báo kịp thời cho Cảng vụ bằng hình thức phù hợp để xử lý.

4. Trong thời gian hành trình, điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, thuyền trưởng phải sử dụng máy tàu phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến các công trình và tàu thuyền khác.

5. Tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển thuyền trưởng phải duy trì liên lạc với Cảng vụ qua máy VHF trên kênh 16 đã được thông báo và duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động theo quy định.

Section 5

SHIPPING OPERATION AT SEAPORT

Article 18. Requirement for the shipping operation at seaport

1. A seagoing vessel, when operating at sea, has the responsibility to comply with the Articles 61, 62, 63, 64, 65, 66, 68, 69 of Decree No. 58/2017/ND-CP and other related regulations.

2. The dispatch order of the Director of Maritime Administration shall be expressed as:

a) Electronic order;

b) Paper order;

c) Direct order in means of VHF, telephone or other means of communication in case of emergency.

3. Masters and related organizations and individuals shall have to execute the port authority's orders. In case of not being able to comply with the order, the Port must promptly notify the port in a suitable form for handling.

4. During the time of operating, manoeuvring for mooring or unmooring wharf, floating terminal, anchorage area or transshipment area, the captain must use a suitable vessel's engine to avoid affecting the marine works and other vessels.

5. When vessels operating in seaport waters, the masters must maintain communication using VHF on channel 16 which has been notified and at the same time, maintaining the operation of automatic identification equipment as prescribed.

6. Mọi hoạt động của tàu thuyền, kể cả chạy thử, khử độ lệch la bàn hoặc hiệu chỉnh các thiết bị hàng hải phải thông báo cho Cảng vụ biết và chỉ được tiến hành khi đã được chấp thuận theo quy định.

Điều 19. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển phải chấp hành đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải về Quy tắc Quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Để bảo đảm an toàn khi hoạt động tại vùng nước cảng biển, thuyền trưởng các tàu thuyền phải:

a) Khi hành trình trên luồng phải duy trì tốc độ phù hợp nhằm đảm bảo an toàn, đặc biệt lưu ý khi đi qua các khu vực: luồng hẹp, đang có hoạt động ngầm dưới nước, hoạt động nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt cứu hộ, thi công công trình, hoạt động xếp dỡ hàng hóa, neo đậu và điều động của tàu thuyền khác.

b) Không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, nơi có đường ống, công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gấn báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn sự cố. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho tàu thuyền mình và các tàu thuyền khác; đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn theo quy định.

6. All operations of the vessels, including trial run, eliminating magnetic compass deviation or correcting marine equipments must notify the Maritime Administration and only be implemented upon acceptance as prescribed.

Article 19. Vessels underway in seaport

1. Vessels underway in seaport waters shall comply with the provisions issued by the Ministry of Transport on the Convention on the International Regulations for Preventing Collisions at Sea and other relevant provisions of law.

2. In order to ensure safety when operating in seaport waters, the masters must:

a) It is required to maintain an appropriate speed to ensure safety when traveling on the channel, especially when passing through the following areas: narrow channel, under water activities, channel dredging, release of buoys, salvage and rescue, construction of works, cargo handling activities, anchoring and maneuvering of other ships and boats.

b) Not arbitrarily anchoring or stopping on a channel, where there are underwater pipes or underwater structures, below high-voltage power lines, river bridges, near navigational signals or other restricted areas, except for the vessel having an accident. In this case, the master shall take all appropriate measures to ensure the safety of the vessel and other vessels; at the same time, quickly apply appropriate measures to bring ships and boats to a safe anchorage position as prescribed.

3. Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu, nghiêm cấm tàu thuyền đi vào vệt dầu loang; phải giảm tốc độ tới mức thấp nhất khi cần thiết phải đi ngang qua hoặc gần khu vực đang tiến hành xử lý sự cố tràn dầu.

4. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng.

5. Tất cả các tàu thuyền phải hành trình với tốc độ an toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và điều kiện tầm nhìn xa. Trừ trường hợp phải tránh một nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật của tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền phải hành trình với tốc độ và khoảng cách sau đây:

a. Đối với luồng hàng hải Lệ Môn tốc độ không vượt quá 05 hải lý/giờ; đối với luồng hàng hải khu vực Nghi Sơn tốc độ không vượt quá 06 hải lý/giờ. Trong trường hợp tốc độ tàu vượt quá tốc độ nêu trên thì thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ biết để phối hợp thực hiện.

b. Khoảng cách tối thiểu giữa hai tàu trên luồng hàng hải Lệ Môn là 0,5 hải lý khi hành trình xuôi nước và 0,3 hải lý khi hành trình ngược nước; trên luồng hàng hải khu vực Nghi Sơn là 0,5 hải lý.

6. Việc hạn chế tốc độ, khoảng cách quy định tại khoản 5 Điều này không áp dụng đối với các tàu công vụ, tàu cứu hỏa, tàu tìm kiếm cứu nạn đang làm nhiệm vụ, tàu cánh ngầm và các tàu thuyền cao tốc khác có thiết bị chống tạo sóng.

3. In the event of an oil spill, it is strictly forbidden for ships and boats to enter the oil spill area; the speed should be reduced to the lowest possible level when it is about to pass by or near the area where oil spill treatment is in progress.

4. Vessels crossing a channel have to give way to other ships operating on the channel.

5. All vessels must travel at a safe speed suitable for the actual circumstances and foresight conditions. Unless a risk of immediate collision is to be avoided, if the vessel's technical conditions permit and otherwise specified, the vessel shall travel at the following speeds and distances:

a. For Le Mon channel, the speed must not exceed 05 knots; for the navigational channel in Nghi Son area, the speed must not exceed 06 knots. In case the speed of the ship exceeds the above speed, the master or pilot must notify the Maritime Administration for coordination in the implementation.

b. The minimum distance between two vessels on the Le Mon navigational channel is 0.5 nautical mile for downstream and 0.3 nautical mile for upstream; on the navigation channel in Nghi Son area is 0.5 nautical mile.

6. The speed and distance restrictions specified in Clause 5 of this Article do not apply to official duty ships, fire engines, search and rescue ships on duty, hydrofoils and high-speed boats having anti-wave equipment.

Điều 20. Quy định đối với tàu thuyền khi cập cầu, cập mạn

1. Tàu thuyền cập mạn theo quy định tại Điều 68, Điểm a Khoản 8 Điều 113, Khoản 1 Điều 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Đối với cầu cảng chuyên dùng xi măng Nghi Sơn ngoài tàu lai hỗ trợ, các tàu khác chỉ được cập mạn trong trường hợp đặc biệt nếu điều kiện thời tiết tốt nhưng phải có sự đồng ý của Cảng vụ.

Các loại tàu thuyền cấp nước, cấp dầu, cấp thực phẩm, cấp trang thiết bị và vật phẩm dự trữ, tàu đón, trả hoa tiêu, tàu chữa cháy, tàu chuyển tải hành khách từ tàu khách hoặc các tàu thuyền dịch vụ tương tự chỉ được cập mạn sau khi được Cảng vụ cho phép.

2. Đối với khu vực chuyên tải chỉ được phép cập mạn hàng hai là cập không quá một tàu về mỗi bên mạn của tàu được cập. Trường hợp chiều dài của tàu được cập đủ điều kiện tiếp nhận nhiều tàu cập mạn theo chiều dọc, Giám đốc Cảng vụ xem xét cho phép các tàu cập mạn theo hàng dọc bảo đảm an toàn.

3. Khi cập cầu, cập mạn, thuyền trưởng phải chọn hướng tiếp cận thích hợp với điều kiện ngoại cảnh để tạo góc nhỏ nhất giữa trục dọc tàu với cầu cảng.

4. Hướng cập cầu của tàu thuyền phải bảo đảm cho tàu dễ rời cảng trong trường hợp biển động hoặc trường hợp khẩn cấp khác.

5. Khi tàu hoạt động trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng phải tăng cường quan sát và thận trọng phòng ngừa với tàu cá, ngư cụ của ngư dân.

Article 20. Provisions on vessels when berthing and alongside other vessels

1. Vessels alongside other vessels must comply with Article 68, Subsection a Clause 8 Article 113, Clause 1 Article 115 of Decree No. 58/2017/ND-CP. For the specialized wharf of Nghi Son cement, apart from the supporting tugboats, other vessels are allowed to side by side mooring only in special cases if the weather is in good conditions but with the consent of the Maritime Administration.

Supplying water, oil, food, equipment and stockpiles vessels, vessels picking up and disembarking pilots, fire vessels, passenger ships from passenger cruises or similar service vessels can only be allowed to side by side mooring after the Maritime Administration's permission.

2. For the transshipment area which allows only two rows side by side mooring means that no more than one vessel on each side of the mooring vessel. In case the length of the mooring vessels is eligible to receive more than one vessels on its side, the Director of the Maritime Administration shall consider to allow the side by side mooring along the longitudinal side of the vessels to ensure safety.

3. When berthing and side by side mooring, the master must choose an approach appropriate to the external conditions to create the minimum angle between the shaft along the ship and the berth.

4. Berthing direction of vessels must ensure that vessels can easily leave the port in case of rough seas or other emergencies.

5. When the vessel is operating in the seaport waters, the captain must increase the observation and awareness of the nearby fishing vessels and fishing gears.

6. Đối với tàu thuyền cập mạn để bốc, dỡ hàng sang mạn tại cầu cảng

a) Thực hiện theo quy định về cập mạn tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

b) Tàu thuyền chỉ được phép cập mạn hàng một để bốc, dỡ hàng hóa sang mạn tại cầu cảng. Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm phối hợp với thuyền trưởng của tàu thuyền cập cầu, cập mạn xây dựng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với việc bốc dỡ hàng hóa sang mạn, gửi Cảng vụ xem xét phối hợp thực hiện (Lưu ý: tổng trọng tải các tàu cập cầu, cập mạn làm hàng không vượt quá trọng tải cầu cảng được công bố hoặc thẩm định, phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền).

Mục 6

SỬ DỤNG TÀU LAI HỖ TRỢ TẠI CẢNG BIỂN

Điều 21. Quy định tàu lai đối với các bến cảng tổng hợp và chuyên dùng trừ quy định tại Điều 22 của bản Nội quy này.

1. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên, khi điều động cập, rời cầu cảng, mạn tàu, quay trở và di chuyển vị trí trong phạm vi vùng nước cảng biển phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 115 m phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 500 HP.

6. For vessels with side by side mooring to load and unload transshipment goods at wharf

a) Comply with the provisions on the side by side mooring of the Decree No. 58/2017/ND-CP.

b) Vessels are only allowed to side by side mooring in one row for transshipment cargo loading and unloading at the wharf. The port enterprises are responsible for coordinating with the master of berthing and transshipment vessel in the construction of measures to ensure maritime safety and security, fire and explosion prevention and environmental pollution prevention for loading and unloading transshipment goods, the documents shall be sent to the Maritime Administration for consideration and coordination (Note: the total tonnage of the berthing and transshipments vessels does not exceed the berth tonnage announced or assessed and approved by the statutory units).

Section 6

TUGBOAT ASSISTANCE AT THE SEAPORT

Article 21. Provisions on tugboats for general and specialized ports except for the provisions of Article 22 of this Regulation.

1. Vessels with maximum length of 80 m or more, when maneuvering to arrive at and departing from a wharf, side by side mooring, turning basin and move their position within a seaport waters, must use an assisting tugboat according to regulations, specified below:

a) Vessels of maximum length from 80 m to 115 m must have a supporting tugboat with a minimum main engine capacity of 500 HP.

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 115 m đến 145 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, có tổng công suất máy chính tối thiểu là 1500 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 1000 HP.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 145 m đến 175 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ, có tổng công suất máy chính tối thiểu là 2500 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 1500 HP.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 175 m đến 185 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 4000 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 2000 HP.

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 185 m đến 200 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 5.500 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 3000 HP.

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 200 m đến 220 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 6.500 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 3000 HP.

f) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 220 m đến 240 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 7.000 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP.

g) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 240 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 7.500 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP.

b) Vessels with maximum length from over 115 m to 145 m must have at least two supporting tugboats, with a total minimum main engine capacity of 1500 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 1000 HP.

c) Vessels with maximum length from over 145 m to 175 m must have at least two supporting tugboats, with a total minimum main engine capacity of 2500 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 1500 HP.

d) Vessels with maximum length of over 175 m to 185 m must have at least two supporting tugboats with a total main engine capacity of at least 4000 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 2000 HP.

dd) Vessels with maximum length of over 185 m to 200 m must have at least two supporting tugboats with a total minimum main engine capacity of 5,500 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 3,000 HP.

e) Vessels with maximum length of more than 200 m to 220 m must have at least two support tugboats with a total minimum main engine capacity of 6,500 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 3000 HP.

f) Vessels with length greater than 220 m to 240 m must have at least two supporting tugboats with a total minimum main engine capacity of 7,000 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 4,000 HP.

g) Vessels with maximum length over 240 m must have at least two supporting tugboats with a total main engine capacity of 7,500 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 4,000 HP.

h) Xà lan tự hành, khi cập và rời cầu cảng, phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất tối thiểu là 500 HP. Xà lan không tự hành, ngoài tàu lai dùng để kéo xà lan còn phải có thêm một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu là 500 HP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1, Điều này, căn cứ điều kiện thực tế Giám đốc Cảng vụ quyết định số lượng và công suất tàu lai trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu thuyền chở hàng siêu trường, siêu trọng, tàu biển có hệ số béo và chiều cao mạn khô lớn (tỷ số chiều cao mạn khô/mớn nước lớn hơn 1).

b) Tàu thuyền có chân vịt ở phía mũi, hoặc thiết bị hỗ trợ điều động chuyên dụng cho cập, rời cầu và quay trở.

c) Tàu thuyền chở chất nổ, xăng dầu, khí hóa lỏng, hóa chất độc hại.

d) Các trường hợp cần thiết khác nhằm bảo đảm an toàn.

3. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80m, khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí nếu cần thiết để đảm bảo an toàn thuyền trưởng cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

Điều 22. Quy định tàu lai đối với Bến cảng xuất sản phẩm và Bến phao SPM của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn

Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên, khi điều động cập, rời cầu cảng, quay trở và di chuyển vị trí trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng biển phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

h) Self-operated barges, when arriving at and departing from a wharf, must have an assisting tugboat with a minimum capacity of 500 HP. Non self-operated barges, except for tugboats used to tow barges, there must be an additional tugboat with a minimum main engine capacity of 500 HP.

2. In addition to the provisions of Clause 1 of this Article, based on the practical conditions, the Director of the Maritime Administration shall decide the quantity and capacity of tugboats in the following cases:

a) Vessels for super long and overweight cargo, vessels with a block coefficient and freeboard height (ratio of freeboard height/ draft is greater than 1).

b) Vessels with propellers on the head, or specialized maneuvering equipments for arriving, leaving and turning.

c) Vessels carrying explosives, gasoline, liquefied gas, or noxious chemicals.

d) Other necessary cases to ensure safety.

3. The master may also request tugboat assistance in case the vessels with the largest length of less than 80m, when maneuvering to arrive at or depart from the wharf, turning basin and move their position if necessary to ensure safety.

Article 22. Tugboat regulations for the Product Exporting Terminal and SPM Floating Terminal of Nghi Son Refinery and Petrochemical Limited Liability Company

Vessels with maximum length of 80 m or more, when maneuvering to arrive at and depart from the wharf, turn basin and move their position within the water area in front of the wharf, must use a supporting tugboat as prescribed below:

1. Đối với Bến cảng xuất sản phẩm:

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 115 m phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu 1.000 HP.

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 115 m đến 145 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 3.000 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP.

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 145 m đến 175 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 4.100 HP, trong đó một tàu lai có công suất máy chính tối thiểu là 1.500 HP.

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175 m trở lên phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 5.200 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 2.600 HP.

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 m, khi điều động cập hoặc rời cầu cảng, quay trở, di chuyển vị trí nếu cần thiết để đảm bảo an toàn thuyền trưởng cũng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ.

2. Đối với bến phao SPM:

a) Đối với các tàu VLCC chiều dài lớn nhất đến 350m (trọng tải tối đa 320.000DWT) cập phao SPM phải sử dụng ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính 5.600 HP, trong đó một tàu có công suất máy chính tối thiểu là 4.000 HP (tương đương với sức kéo 55 tấn) và một tàu có công suất máy chính tối thiểu 1.600 HP.

1. For Product Exporting Port:

a) Vessels of maximum length from 80 m to 115 m must have an assisting tugboat with a minimum main engine capacity of 1,000 HP.

b) Vessels with maximum length from 115 m to 145 m must have at least two assisting tugboats with a total main engine capacity of 3,000 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 1,500 HP.

c) Vessels with maximum length from over 145 m to 175 m must have at least two assisting tugboats with a total main engine capacity of 4,100 HP, of which one tugboat has a minimum main engine capacity of 1,500 HP.

d) Vessels with maximum length of 175 m or more must have at least two assisting tugboats with a total main engine capacity of 5,200 HP, of which one vessel has a minimum main engine capacity of 2,600 HP.

dd) Vessels with a maximum length of less than 80 m, when maneuvering to arrive at and depart from the wharf, turn basin or move the position if necessary to ensure safety, the master may also request tugboat assistance.

2. For SPM floating terminal:

a) For VLCC vessels up to 350m in length (maximum tonnage of 320,000DWT) arrive at SPM floating terminal must use at least two assisting tugboats with a total main engine capacity of 5,600 HP, of which one vessel has minimum main engine capacity of 4,000 HP (equivalent to towing capacity of 55 tons) and a vessel with a minimum main engine capacity of 1,600 HP.

b) Đối với các tàu VLCC chiều dài lớn nhất đến 350m (trọng tải tối đa 320.000DWT) rời phao SPM phải sử dụng ít nhất một tàu lai hỗ trợ có tổng công suất tối thiểu 4.000 HP (tương đương với sức kéo 55 tấn).

Điều 23. Yêu cầu đối với tàu lai

1. Tàu đã được đăng ký, có đầy đủ giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực và tình trạng kỹ thuật bảo đảm an toàn theo quy định.

2. Định biên thuyền bộ đầy đủ và được bố trí theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của chủ tàu lai và thuyền trưởng tàu lai

1. Trước 16 giờ hàng ngày, chủ tàu lai phải thông báo cho Cảng vụ kế hoạch tàu lai hỗ trợ ngày hôm sau (tên tàu lai, công suất, thời gian bắt đầu lai dất hỗ trợ theo Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục của bản nội quy này). Trường hợp có thay đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung chậm nhất 01 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp tàu lai hỗ trợ.

2. Khi thực hiện việc lai dất hỗ trợ tàu thuyền vào, rời cầu cảng, quay trở hoặc di chuyển vị trí neo, đậu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng tàu lai phải sẵn sàng đáp ứng theo yêu cầu của thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai hỗ trợ.

3. Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai dất hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ về việc tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất tàu lai theo quy định.

b) VLCC vessels with maximum length up to 350m (maximum load 320,000DWT) departing from the SPM floating terminal must use at least one assisting tugboat with a total minimum capacity of 4,000 HP (equivalent to a towing capacity of 55 tons).

Article 23. Requirements for tugboats

1. The vessel has been registered with all valid certificates issued by a competent agency and has a technical safety condition under regulations.

2. The crew resource planning is sufficiently and arranged according to the regulations.

Article 24. Responsibilities of the owner of the tugboat and the master of the tugboat

1. Before 16:00 daily, the owner of the tugboat must notify the Maritime Administration of the plan of the tugboat for the next day (name of tugboat, capacity, start time of tugboat assistance according to Form No.3 specified in the Appendix). In case of any change, additional notice must be timely given no later than 01 hour after receiving the request to supply tugboats.

2. When towing to support vessels arriving at and departing from the wharf, turning basin or moving the anchor or mooring position in seaport waters, the master of tugboats must be ready to respond to the request of the master or the pilot of the vessel.

3. The master or pilot of a towed vessel shall have to promptly notify the Maritime Administration of the delay or inadequate quantity or capacity of tugboats as prescribed.

Mục 7

QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI

Điều 25. Yêu cầu chung để đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải

Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cảng biển thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều 106, Điều 111 và Điều 112 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, trật tự, an toàn trong khu vực cảng biển.

Điều 26. Quy định về hoạt động của phương tiện thủy, tàu cá, tàu du lịch và hoạt động thủy sản trong vùng nước cảng biển

1. Phương tiện thủy nội địa và phương tiện thủy khác có động cơ hoặc không có động cơ; có chiều dài dưới 20m; có mớn nước thấp (bao gồm cả tàu du lịch, đò chở khách) và tàu cá chỉ được phép hành trình trong vùng nước phía bên ngoài luồng hàng hải và không được làm ảnh hưởng đến hành trình của tàu thuyền trên luồng. Phải hành trình theo đúng tuyến quy định và nhường đường cho tàu thuyền lớn khi hành trình trên luồng. Trong trường hợp phải cắt ngang luồng, các phương tiện này phải hành trình theo đường ngắn nhất, giữ khoảng cách và tốc độ bảo đảm an toàn.

Section 7

REGULATIONS ON ENSURING MARINE SAFETY, SECURITY OF MARINE

Article 25. General requirements to ensure maritime safety and security

Vessels, port enterprises and organizations and individuals operating at seaports strictly comply with the provisions of Articles 106, 111 and 112 of Decree No. 58/2017 / ND-CP to ensure safety, maritime safety, security, order and safety in the seaport area.

Article 26. Provisions on operations of inland waterway vehicles, fishing vessels, cruise ships and fishing activities in seaport waters

1. Inland waterway vehicles and other waterway vehicles with or without engines; have a length of less than 20m; have low draft (including cruise ships, passenger boats) and fishing boats are only allowed to travel in the water outside the navigation channel and must not affect the navigation of boats on the channel. They must travel in accordance with the prescribed route and give way to large vessels when traveling on the channel. In the case of having to cross the channel, these vehicles must travel in the shortest way, keeping a safe distance and speed.

2. Việc cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trong vùng nước cảng biển chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của Cảng vụ; chịu sự kiểm tra, giám sát của Cảng vụ và cơ quan chức năng có thẩm quyền; phải tuyệt đối tuân thủ quy định về phạm vi bảo vệ công trình hàng hải và các quy định của pháp luật có liên quan. Khi không sử dụng đăng đáy hoặc các phương tiện đánh bắt nuôi trồng thủy sản cố định phải tự tháo dỡ, nhổ hết cọc đã cắm và thanh thải chướng ngại vật do hoạt động đăng, đáy hoặc các phương tiện đánh bắt nuôi trồng thủy sản tạo ra. Không được sử dụng các loại đăng, đáy di động, lưới rê, lưới vét hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản làm trở ngại, gây mất an toàn đối với hoạt động của tàu thuyền.

Điều 27. Quy định về hoạt động thi công các công trình hàng hải, báo hiệu hàng hải, nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển

1. Việc thi công các công trình hàng hải, báo hiệu hàng hải; nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước và thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển phải thực hiện các quy định tại Mục 1, Chương II Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. The bottom-set gillnetting, fishing and aquaculture in seaport waters can only be conducted with the approval of the Maritime Administration; subject to the inspection and supervision of the Maritime Administration and competent authorities; absolutely comply with the regulations on the scope of protection for marine structures and other relevant laws. When the bottom-set gillnetting or permanent aquaculture fishing facilities are not in use, they must be self-dismantled, removed all plugged poles and cleared of obstacles caused by posting or other fishing activities. Mobile bottom-set gillnetting, dredging and trawling nets or other means of fishing must not be used if such activities hinder the operation of vessels.

Article 27. Regulations on the construction of marine works, maritime signals, dredging of navigational channels, water zones, water areas and mineral exploitation in seaport waters

1. Construction of marine structures, maritime signals, dredging of navigational channels, water zones, water areas and mineral exploitation in seaport waters must comply with the provisions of Section 1, Chapter II of Decree No. 58/2017/ND-CP and other relevant regulations.

2. Trước khi tiến hành thực hiện thi công chủ đầu tư, đơn vị thi công phải hoàn thành đầy đủ hồ sơ, thủ tục của dự án theo quy định về hàng hải, đầu tư xây dựng, môi trường và pháp luật khác có liên quan trình Cảng vụ xem xét và phê duyệt Phương án BĐATHH, Phương án BĐATGT. Trường hợp hồ sơ, tài liệu là tiếng nước ngoài thì khi trình Cảng vụ phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Nội dung, thủ tục; trình tự nhận và xử lý hồ sơ phê duyệt Phương án BĐATHH theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 của Nội quy này; trình tự nhận và xử lý hồ sơ phê duyệt Phương án BĐATGT theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Nội quy này.

3. Tàu thuyền trước khi tiến hành các hoạt động thi công công trình hàng hải, báo hiệu hàng hải nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước hoặc các công trình khác trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc người chỉ huy của tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác phải làm thủ tục xin phép Cảng vụ theo trình tự thủ tục được qui định tại Khoản 4, Điều 10 của Nội quy này và chỉ được tiến hành thi công khi được Cảng vụ chấp thuận bằng văn bản.

2. Before carrying out the construction, the investor and the construction unit must complete all project dossiers and procedures in accordance with regulations on navigation, construction investment, environment and other related laws. Those documents must be submitted to the Maritime Administration for consideration and approval of the traffic safety assurance plan and maritime safety assurance plan. If the documents are in a foreign language, the Vietnamese translation is required when submitting to the Maritime Administration. The content, procedures, the order of receipt and processing of documents for approval of the maritime safety assurance plan is specified in Clause 1, Article 10 of this Regulation; the order of receipt and processing of documents for approval of the traffic safety plan is specified in Clause 2, Article 10 of this Regulation.

3. For the vessels prior to carrying out the construction of marine works, maritime signals, dredging of navigational channels, water zones, water areas or other works within seaport waters, masters or commanders of vessels and boats constructing marine works, dredging, exploiting sand or floating cranes and other construction equipments must apply for the Maritime Administration's permission according to the procedures specified in Clauses 4 and 10 of this Regulation and construction can only be carried out with written approval from the Maritime Administration.

4. Việc thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường và không làm ảnh hưởng đến quy hoạch cảng biển, hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường. Các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ các quy định như đối với các công trình xây dựng trong vùng nước cảng biển quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 110 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Thông tư của Bộ Giao thông vận tải về quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải. Các phương tiện trước khi tiến hành hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển phải thực hiện đúng quy định tại Khoản 3, Điều 27, Nội quy này.

Điều 28. Quy định về an ninh hàng hải

1. Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu và bến cảng (ISPS Code) và các quy định của pháp luật Việt Nam về an ninh hàng hải và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. The exploration and exploitation of minerals in seaport waters shall comply with the provisions of law on minerals, protect the environment and do not affect seaport planning, maritime operations, maritime safety and security and prevention of environmental pollution. Projects to explore and exploit minerals in seaport waters must comply with the same regulations as for construction works in seaport waters specified in Articles 7, 8 and 110 of Decree No. 58/2017/ND-CP; Circular of the Ministry of Transport on the order and procedures for dredging in navigational channels, water zones and water areas in seaport waters, combining with full use of products, without using the State budget and State administration on maritime field which related to mineral exploration and exploitation in seaport waters and navigational channels. All vehicles before conducting mineral exploration and exploitation activities in the seaport waters must comply with the provisions of Clause 3, Article 27 of this Regulation.

Article 28. Maritime security regulations

1. Vessels and port enterprises must strictly comply with the provisions of the International Ship and Port Facility Security (ISPS Code) and the provisions of Vietnamese laws on maritime security and international treaties to which Vietnam is a member.

2. Các tàu biển thuộc đối tượng áp dụng quy định về an ninh hàng hải, phải duy trì liên tục và thực hiện nghiêm túc các quy định về an ninh hàng hải; thông báo ngay cho Cảng vụ khi nhận được thông tin đe dọa hoặc có nguy cơ đe dọa an ninh hàng hải và phối hợp chặt chẽ với Cảng vụ, cán bộ an ninh cảng biển để duy trì cấp độ hoặc khi có sự thay đổi về cấp độ an ninh hàng hải trong suốt thời gian tàu hoạt động tại cảng biển. Phải xin phép Cảng vụ khi tổ chức thực tập an ninh, kết nối an ninh trong vùng nước cảng biển. Đối với tàu biển Việt Nam chịu sự kiểm tra, giám sát, hướng dẫn của Cảng vụ trước khi rời cảng đi vào các vùng biển có nguy cơ cao về cướp biển và cướp có vũ trang.

3. Các doanh nghiệp cảng biển phải duy trì đủ số lượng cán bộ làm công tác an ninh cảng biển; định kỳ tổ chức thực tập, diễn tập an ninh hàng hải theo quy định và Kế hoạch an ninh đã được phê duyệt. Phải thông báo ngay bằng văn bản cho Cảng vụ khi có những thay đổi liên quan đến an ninh cảng biển như: Các thành viên Ban chỉ huy an ninh cảng biển; Đánh giá an ninh cảng biển và Kế hoạch an ninh cảng biển.

Điều 29. Quản lý cảng, bến thủy nội địa và cảng cá trong vùng nước cảng biển

1. Hoạt động của cảng, bến thủy nội địa và cảng cá trong vùng nước cảng biển thực hiện theo Điều 19 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Seagoing vessels which are subject to the application of maritime security regulations, must continuously maintain and strictly abide by regulations on maritime security; immediately notify the Maritime Administration of receiving information threatening or posing a threat to maritime security and closely coordinating with the Maritime Administration, the port security officers to maintain the level or when there is a change in maritime security level for the duration of operation of the vessel at seaport. It is required to obtain permission from the Maritime Administration when conducting security exercises, connecting security in seaport waters; when Vietnamese seagoing vessels subject to the inspection, supervision and guidance of the Maritime Administration before leaving ports and entering waters at high risk of piracy and armed robbery.

3. Seaport enterprises must maintain a sufficient number of staff engaged in seaport security; periodically organize maritime security practice in accordance with regulations and approved security plans; must immediately notify in writing to the Maritime Administration when there are changes related to seaport security such as: members of the Seaport Security Command Board; Port Security Assessment and Port Security Plan.

Article 29. Management of seaports, inland waterways and fishing ports in seaport waters

1. Operations of seaports, inland waterways and fishing ports within seaport waters comply with Article 19 of Decree No. 58/2017/ND-CP.

2. Cảng vụ thực hiện chấp thuận chủ trương xây dựng, cấp, cấp lại giấy phép hoạt động của bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Cảng vụ tạm thời không cho phép tàu thuyền ra, vào bến thủy nội địa trong trường hợp vì lý do bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường hoặc các lý do khẩn cấp khác.

Điều 30. Trách nhiệm của đơn vị quản lý khai thác luồng, vùng nước trước bến, khu neo đậu, khu chuyển tải, hệ thống phao tiêu báo hiệu và thiết bị trợ giúp hàng hải

1. Định kỳ tiến hành đo đạc và gửi cho Cảng vụ thông báo hàng hải kèm theo bình đồ về độ sâu luồng vào cảng, vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, bến phao theo quy định.

2. Khi phát hiện có sự thay đổi về độ sâu luồng tàu, vùng quay tàu, vùng nước trước bến, hệ thống báo hiệu, chướng ngại vật trên luồng và thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc khi đã khôi phục xong những sai lệch của hệ thống báo hiệu, giải tỏa xong chướng ngại vật, thiết bị trợ giúp hàng hải phải tiến hành khảo sát và ra thông báo hàng hải ngay.

3. Hệ thống phao tiêu, báo hiệu, thiết bị trợ giúp hàng hải phải luôn được duy trì bảo đảm hoạt động tốt.

2. The Maritime Administration shall accept the policy of building, issue and re-issue licences for operation of inland water terminals in seaport waters as prescribed.

3. The Director of the Maritime Administration shall temporarily not permit vessels to enter or exit the inland waterway terminal for reasons of ensuring maritime safety, maritime security and environmental protection or other urgent reasons.

Article 30. Responsibilities of units managing and exploiting channels, water areas in front of wharves, anchorage zones, transshipment zones, system of signa; beacon and marine aids

1. Periodically carry out the measurement and send to the Maritime Administration enclosed with the map of the depth of the channel, the water area in front of the wharf, the turning basin, and the floating terminal according to regulations.

2. When detecting a change in the depth of the channel, the turning basin, the water area in front of wharves, signaling systems, obstacles on channels and navigational aids or when restoring the error of the signaling system, removing obstacles, the aids to navigation must conduct survey and give maritime notice immediately.

3. The system of beacons, signals and aids to navigation must be maintained at all times to ensure good operation.

Điều 31. Quy định về tìm kiếm, cứu nạn hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ

Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại Điều 107, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các quy định khác của pháp luật có liên quan và các yêu cầu:

1. Chấp hành nghiêm yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ về phối hợp tham gia tìm kiếm cứu nạn trong vùng nước cảng biển.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ xuất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như phao EPIRB, MF/HF, VHF DSC..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

Điều 32. Quy định về xử lý tai nạn, sự cố hàng hải và tai nạn lao động hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoặc tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về xử lý tai nạn hàng hải theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hàng hải 2015, Điều 70 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Article 31. Regulations on maritime search and rescue within the seaport waters and areas under the management of the Maritime Administration

Organizations and individuals operating at seaports are responsible for strictly implementing regulations on search and rescue as prescribed in Article 107, Decree No. 58/2017/ND-CP; regulation on coordinated search and rescue at sea and in seaport waters issued together with the Prime Minister’s Decision; other relevant laws and regulations:

1. To strictly abide by the Director of Maritime Administration’s request to coordinate in search and rescue activities in seaport waters.

2. All acts of using on-board communication equipment or other equipment or objects to transmit fake emergency signals are strictly forbidden. In case of negligence while using fake emergency signaling equipment such as EPIRB, MF/HF, VHF DSC..., the master must immediately notify the Maritime Administration and promptly take measures suitable for notice of cancellation of emitted fake emergency signals.

Article 32. Regulations on handling marine accidents, incidents, occupational accidents

1. Organizations, individuals or vessels operating in seaport waters within Thanh Hoa province shall have to strictly abide by the regulations on handling marine accidents according to the provisions of Article 58 of the Goods Code. Customs, Article 70 of Decree No. 58/2017 / ND-CP and current relevant regulations of law.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm:

a) Tìm mọi cách bảo đảm an toàn cho người và tàu thuyền của mình, đồng thời tổ chức ngay tìm kiếm, cứu nạn theo quy định;

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ trên kênh 16/VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc, đồng thời tiến hành ngay các biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu thuyền bị nạn nếu không ảnh hưởng đến an toàn của tàu mình;

c) Gửi cho Cảng vụ báo cáo tai nạn theo quy định tại Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

3. Khi xảy ra tai nạn lao động hàng hải trong vùng nước cảng biển, chủ tàu hoặc thuyền trưởng tàu biển hoạt động tuyến quốc tế có trách nhiệm khai báo với Cảng vụ để kịp thời xử lý theo quy định tại Thông tư của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Điều 33. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và an ninh hàng hải trong vùng nước cảng biển.

Việc tổ chức hoạt động diễn tập thể thao, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, an ninh hàng hải và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan, theo yêu cầu sau đây:

1. Không được làm ngưng trệ, ảnh hưởng hoạt động hàng hải tại khu vực;

2. When a marine accident or incident occurs, the ship master has the responsibility to:

a) Find ways to ensure the safety of seafarer and their ship, and immediately organize search and rescue operation according to regulations;

b) Immediately notify the Maritime Administration on Channel 16 / VHF or other means of communication, and take measures to minimize possible damage and assist ships in distress in case of without prejudice to the safety of their own ship;

c) Submit accident reports to Maritime Administration as prescribed in the Circular of the Ministry of Transport on marine accident reporting and investigation.

3. When a marine occupational accident occurs in a seaport waters, the ship owner or the captain of a seagoing vessel operating on international routes shall have to notify the Maritime Administration for timely handling according to the provisions of the Ministry's Circular Labor, Invalids and Social Affairs.

Article 33. Sports activities, practicing of maritime search and rescue and maritime security in seaport waters.

The organization of practicing of sports activities, search and rescue, maritime security and other similar activities within seaport waters must comply with Article 109 of Decree No. 58/2017 / ND-CP and other relevant law provisions, at the following request:

1. Not to delay or affect maritime operations in the area;

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tổ chức các hoạt động nêu trên, đơn vị tổ chức phải gửi văn bản đề nghị kèm theo phương án bảo đảm an toàn giao thông cho Cảng vụ và chỉ được tiến hành sau khi được chấp thuận.

Mục 8

QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG, CHỐNG CHÁY, NỔ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 34. Đồ rác, xả chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền và nước dẫn tàu

Tàu thuyền, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về đồ rác, chất thải, nước thải phát sinh từ tàu thuyền và nước dẫn tàu tại cảng biển theo quy định tại các Điều 116, 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện chế độ đồ rác, xả chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền bơm xả nước bẩn và nước dẫn tàu theo quy định dưới đây:

a) Rác thải sinh hoạt, các loại chất thải không nguy hại khác từ tàu thuyền đã được phân loại theo quy định và đựng trong các dụng cụ chứa phù hợp để đơn vị thu gom rác tiến hành thu gom ngay sau khi tàu đến cảng, từ lần thứ hai trở đi thực hiện 02 ngày một lần đối với tàu hàng, 01 ngày một lần đối với tàu khách;

2. At least 05 working days before organizing the above activities, the organizing unit must send a written request together with the traffic safety plan to the Maritime Administration and may proceed only after being accepted.

Section 8

REGULATIONS ON ENVIRONMENTAL PROTECTION AND FIRE AND EXPLOSION PREVENTION IN SEAPORT WATERS

Article 34. Dumping garbage, discharging wastes and wastewater arising from the operation of ships and ballast water

Vessels and related enterprises are responsible for complying with regulations on dumping garbage, waste, and wastewater generated from ships and ballast water at seaports according to the provisions of Articles 116 and 117 of Decree No. 58. / 2017 / ND-CP, other relevant provisions of law and the following requirements:

1. Vessels, when operating at seaports must implement the regime of dumping garbage, discharging waste and wastewater arising from the operation of vessels that pump out dirty water and ballast water according to the following provisions:

a) Domestic waste and other non-hazardous wastes from ships have been classified according to regulations and stored in suitable containers for the garbage collector to collect immediately after the ship arrives at the port. from the second time on, it is done once every 2 days for freight trains, once a day for passenger ships;

b) Chất thải lẫn dầu, cặn hoặc hỗn hợp chứa các chất lỏng độc, nước thải, rác thải nguy hại, cặn từ hệ thống lọc khí xả, chất làm suy giảm ozon, sơn và vụn sơn có chứa các thành phần nguy hại, nước dằn, cặn nước dằn và các chất thải khác từ tàu thuyền phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ theo quy định và chỉ được tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận.

c) Tàu thuyền phải xả nước dằn trước khi vào cảng theo quy định, trường hợp có nhu cầu xả nước dằn trong vùng nước cảng phải có đơn đề nghị. Trong đơn phải trình bày rõ số lượng, nguồn gốc, thời gian xả và chỉ được xả khi Cảng vụ đồng ý.

2. Doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ tại cảng phải bố trí phương tiện đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận rác thải, chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của tàu thuyền và phải tuân thủ quy định về vệ sinh và bảo vệ môi trường.

Điều 35. Quy định đối với tàu chở dầu và tàu chở hàng nguy hiểm khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Quy định về phòng, chống cháy, nổ, bảo đảm vệ sinh và bảo vệ môi trường tại cảng biển

Thực hiện theo quy định tại các Điều 113, 114, 115, 116, 117, 118 và Điều 119 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Waste mixed with oil, residue or mixtures containing toxic liquids, wastewater, hazardous waste, sludge from exhaust filtration systems, ozone depleting substances, paint and paint chips containing hazardous ingredients, ballast water, ballast water sediment and other wastes from ships must be stored in separate tanks and transferred to an onshore collection facility in accordance with regulations and only proceed with the approval of the Maritime Administration.

c) Vessels must discharge ballast water before entering a port according to regulations, in case there is a need to discharge ballast water in the port waters, an application is required. The application must clearly state the quantity, origin, discharge time and be discharged only when the Maritime Administration agrees.

2. Port enterprises or port service-providing organizations must arrange qualified means to receive garbage, wastes and wastewater arising from the operation of ships and must comply with regulations on hygiene and environmental protection.

Article 35. Regulations on oil tankers and other dangerous cargo ships

Comply with the provisions of Article 115 of Decree No. 58/2017 / ND-CP and other relevant laws

Article 36. Regulations on fire and explosion prevention and fighting, hygiene and environmental protection at seaports

Comply with the provisions of Articles 113, 114, 115, 116, 117, 118 and Article 119 of Decree No. 58/2017 / ND-CP and other relevant laws.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 22, Điều 37, 67 và Điều 113 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ và các quy định có liên quan khác của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch điều độ tàu vào, rời cảng gửi cho Cảng vụ được thực hiện theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục của bản Nội quy này.

2. Tuân thủ Quy định kỹ thuật khai thác cầu cảng được Bộ Giao thông vận tải ban hành. Gửi Cảng vụ các bản sao Thông báo hàng hải, kết quả Kiểm định kỹ thuật, kết quả Quan trắc môi trường đã thực hiện theo quy định.

3. Trong thời gian tàu điều động cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, không được để các cần cầu bờ vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu phải vươn ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

4. Có các biện pháp hữu hiệu để giữ gìn vệ sinh khu vực cầu, bến cảng. Không để hàng hóa rơi vãi, bụi bẩn, gây ô nhiễm ảnh hưởng xấu tới điều kiện sống, làm việc của con người và môi trường xung quanh.

Section 9

RESPONSIBILITY OF ENTERPRISES OPERATING MARINE SERVICES AT SEA PORT

Article 37. Responsibilities of the port enterprise

Port enterprises are responsible for complying with Clause 2 Article 22, Article 37, 67 and Article 113 of Decree No. 58/2017 / ND-CP, regulations on occupational safety and sanitation, fire, explosion fighting and other relevant regulations of the law, as follows:

1. Plans for dispatching ships in and out of ports sent to the Maritime Administration shall comply with the Form No. 01 specified in the Appendix to this Regulation.

2. To comply with the technical regulation on wharf operation issued by the Ministry of Transport. Sending copies of the Maritime Notification, the results of Technical Inspection, and the results of Environmental Monitoring to the Maritime Administration as prescribed.

3. During the maneuvering ship to dock or leave the wharf and during the time when the ship is not docked, the shore cranes are not allowed to reach out of the water in front of the wharf. In case the crane needs to reach out due to the need for periodic repair and maintenance, the port enterprise must notify in writing and only proceed with the approval of the Maritime Administration, appropriate measures must be taken to ensure safety according to regulations.

4. Take effective measures to keep bridges and ports clean. Do not let goods drop, dust which cause pollution and adversely affect the living and working conditions of people and the surrounding environment.

5. Có các biện pháp hữu hiệu phòng, chống cháy, nổ hiệu quả khi xảy ra trong khu vực cảng và hỗ trợ tàu thuyền khi cần.

6. Phối hợp chặt chẽ với thuyền trưởng, chủ hàng hoặc người vận chuyển để đảm bảo rằng việc xếp dỡ hàng hóa được tuân thủ theo các quy định của pháp luật, duy trì sự ổn định của tàu, an toàn cho thuyền viên làm việc trên tàu.

7. Tuân thủ quy định về công tác quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải phát sinh từ tàu thuyền tại cảng biển.

8. Trường hợp hàng hóa tồn đọng lâu ngày tại cảng, có nguy cơ gây cháy nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải thông báo cho Cảng vụ và các cơ quan có liên quan biết để kịp thời xử lý.

9. Trước khi tàu biển có trọng tải lớn cập, rời cầu cảng, phải thông báo cho thuyền trưởng các tàu thuyền đang neo buộc, cập tại cầu cảng lân cận biết để tăng cường trực ca, cân chỉnh và bổ sung dây buộc tàu (nếu cần thiết).

10. Doanh nghiệp khai thác cảng biển được thành lập sau ngày 01/7/2017 phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP về Điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển. Các doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển từ trước ngày 01/7/2017 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định 37/2017/NĐ-CP kể từ ngày 01/7/2020.

Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức đại lý tàu biển

Doanh nghiệp đại lý tàu biển phải tuân thủ quy định tại Chương X của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển và các quy định sau:

5. Effective measures to prevent and combat fire and explosion occur in the port area and assist ships when needed.

6. Work closely with the master, shipper or carrier to ensure that the loading and unloading of the cargo is in compliance with the provisions of law, maintaining the ship's stability and the safety of seafarers working on board.

7. Comply with regulations on the management, reception and treatment of wastes generated from vessels at seaports.

8. In case goods are left in stock for a long time at ports, which are likely to cause fire or explosion or cause environmental pollution, the Maritime Administration and concerned agencies must be notified to promptly handle them.

9. Before a large tonnage ship arrives or leaves the wharf, it is required to notify the master of ships moored or docked at the neighboring wharf in order to strengthen shift duty, adjust and supplement mooring lines (if necessary).

10. Seaport operation enterprises established after July 1, 2017 must fully comply with the provisions of Decree No. 37/2017 / ND-CP on conditions for seaport operation business. Enterprises conducting seaport operations before July 1, 2017 must fully satisfy the conditions specified in Decree 37/2017 / ND-CP from July 1, 2020.

Article 38. Responsibilities of shipping agency organizations

Shipping agency enterprises must comply with the provisions of Chapter X of the Vietnam Maritime Code 2015, the Government's Decree on conditions for marine transport business, ship agency services and ship towage services and the following regulations:

1. Trước khi tàu đến cảng biển, cung cấp đặc điểm, thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; các quy định có liên quan và đề nghị Thuyền trưởng, chủ tàu nghiên cứu, chấp hành.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ và cơ quan chức năng để được thông báo các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải, khí tượng thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo cần thiết khác về an toàn nhằm kịp thời cung cấp tới Thuyền trưởng, hỗ trợ công tác dẫn tàu trong vùng nước cảng biển.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Khi bố trí mới hoặc thay đổi đại lý viên làm dịch vụ đại lý hàng hải phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cảng vụ.

Điều 39. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác tàu lai hoặc chủ tàu lai

Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ lai dắt tàu biển phải tuân thủ quy định tại Chương XII của Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.

1. Before ships arrive at seaports, it is required to provide the characteristics and specifications of navigational channels, wharves, buoys, water zones, water areas; relevant regulations and request the Master, ship owner to study and comply.

2. Proactively contact the Maritime Administration and authorities to be informed of relevant information about maritime conditions, hydro-meteorology, geology in seaport waters and other necessary recommendations on safety. To promptly provide the captain and support the ship navigation in seaport waters.

3. To perform the ship agency service function only within the scope of the work entrusted by the shipowner, in accordance with the ship agency service business conditions and other relevant provisions of law.

4. When arranging new or changing shipping agent service agents, they must notify in writing to the Maritime Administration and state management agencies at the ports.

5. To promptly report and provide information at the request of the Maritime Administration.

Article 39. Responsibilities of organizations and individuals operating tugboats or tugboat owners

Enterprises operating in ship towage services must comply with the provisions of Chapter XII of the Vietnam Maritime Code 2015, the Government's Decree on conditions for sea transport business and ship agency services and ship towage services and with relevant laws.

Điều 40. Trách nhiệm kê khai, công bố và niêm yết khung giá dịch vụ tại cảng biển

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo có trách nhiệm thực hiện kê khai, công bố và niêm yết khung giá dịch vụ tại cảng biển theo quy định của Bộ Giao thông vận tải về ban hành biểu khung giá dịch vụ và theo quy định của pháp luật về giá.

Article 40. Responsibility to declare, publicize and post up service price brackets at seaports

Enterprises providing container loading and unloading services, ship towing services, marine piloting services, services using bridges, berths and mooring buoys are responsible for declaring, announcing and posting price brackets of services at seaports according to the regulations of the Ministry of Transport and the promulgation of the service price bracket and the law provisions on prices.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trưởng phòng Pháp chế Cảng vụ chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các phòng, Đại diện và Trạm của Cảng vụ tổ chức phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Nội quy này.

2. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại cảng biển Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và Nội quy này. Mọi hành vi vi phạm quy định của Nội quy này, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh với Cảng vụ để xử lý kịp thời hoặc sửa đổi Nội quy này cho phù hợp.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Đặng Văn Ba

Chapter III

IMPLEMENTATION ORGANIZATION

Article 41. Responsibility for implementation

1. The Head of the Legal Department of the Port Authority is responsible for presiding over and coordinating with the Maritime Administration's Departments, Representatives and Stations to disseminate, guide and implement this Regulation.

2. Vietnamese and foreign organizations, individuals and ships, when operating at Thanh Hoa seaport, shall have to strictly observe the provisions of Vietnamese law and relevant international treaties to which Vietnam is a Membership and this regulation. All acts of violating the provisions of this regulation will be handled according to the provisions of law.

3. In the course of implementation, if any problems arise, concerned organizations and individuals are requested to report them to the port authority for timely handling or amendment of this Regulation accordingly.

DIRECTOR

(Signed)

Dang Van Ba

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU VÀO, RỜI CẢNG
MANEUVERING OF VESSELS ARRIVING AT AND DEPARTING FROM WHARF

Ngày.....tháng.....năm 20...

Thời gian Time	Tên tàu Name of ship	Mớn nước Draft	Chiều dài lớn nhất LOA	Trọng tải DWT	Tàu lai Tug boat	Tuyến luồng Chanel	Từ From	Đến To	Đại lý Agent

NGƯỜI LẬP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...
NGƯỜI PHÊ DUYỆT

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH DẪN TÀU
SHIP PILOTAGE PLAN**

Ngày.....tháng.....năm

STT	Tên tàu Name of ship	Chiều dài lớn nhất Maximum length	Mớn nước lớn nhất Draught	Tổng dung tích Total capacity	Thời gian dự kiến bắt đầu dẫn tàu Ship pilotage starting time	Tuyến dẫn tàu Ship pilotage channel	Họa tiêu dẫn tàu Ship pilotage navigator	Họa tiêu tập sự Probationary navigator	Ghi chú Remark

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...
NGƯỜI PHÊ DUYỆT

NGƯỜI LẬP

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TÀU LẠI HỖ TRỢ
TUGBOAT ASSISTANCE PLAN

Ngày.....tháng.....năm

STT	Tàu lại phục vụ Tugboat	Công suất tàu lại Tugboat Capacity	Tên tàu nhận hỗ trợ Name of vessel using tugboat assistance	Mục đích Purpose	Dự kiến thời gian thực hiện Time	Ghi chú Remark

NGƯỜI LẬP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20...
NGƯỜI PHÊ DUYỆT

BẢN ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN NGHĨ SƠN - THANH HÓA



Phụ lục II
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

I	Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015
II	Nghị định của Chính phủ
1	Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải
2	Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực hàng hải
3	Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa
4	Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển
5	Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam
6	Nghị định số 170/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải

Annex II

**LISTING OF BY-LAW DOCUMENTS AND
INSTRUCTING CURRENT DOCUMENTS FOR
IMPLEMETING CONCERNED LAWS**

I	Vietnam Maritime Code November 25, 2015
II	The Decree of Government
1	Decree No. 58/2017 / ND-CP dated May 10, 2017 of Government on detailing for some articles of the Vietnam Maritime Code on management of maritime operations
2	Decree No. 142/2017 / ND-CP dated December 11, 2017 of Government on penalties for administrative violations agaist regulations on maritime activities
3	Decree No. 159/2018 / ND-CP dated November 28, 2018 of Government on management of dredging activities in seaport waters and inland waterways
4	Decree No. 160/2016 / ND-CP dated November 29, 2016 of Government on conditions for sea transport business, shipping agency services and towage services
5	Decree No. 05/2017 / ND-CP dated January 16, 2017 of Government on treatment of property sunk in inland waterways, port waters and territorial waters of Vietnamese
6	Decree No. 170/2016 / ND-CP dated December 27, 2016 of Government stipulating the regulation on announcement, receipt, processing and transmission of maritime security information.

7	Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển
8	Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện, cơ sở tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải
9	Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển
10	Nghị định 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn
11	Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải
12	Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải
13	Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định bảo vệ công trình hàng hải
14	Nghị định thay thế Nghị định số 146/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam Nghị định 16/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam

7	Decree No. 171/2016 / ND-CP dated December 27, 2016 of Government on registration, deregistration, purchase, sale and building of ships
8	Decree No. 29/2017 / ND-CP dated 20 March 2017 of Government on conditions for seafares training facilities and seafares recruitment and placement service providers
9	Decree No. 37/2017 / ND-CP dated April 4, 2017 of Government on requirements for seaport operation
10	Decree 38/2017 / ND-CP dated April 4, 2017 of Government regulating investment, construction, management and operation of inland deports
11	Decree No. 70/2016 / ND-CP dated July 1, 2016 of Government on promulgating conditions for provision of maritime safety services
12	Decree No. 43/2018 / ND-CP dated 12 March 2018 of Government regulating the management, use and exploitation of marine infrastructure assets
13	Decree No. 143/2017 / ND-CP dated December 14, 2017 of Government on protection of maritime works
14	Decree replaces Decree No. 146/2013 / ND-CP dated October 30, 2013 of Government on the announcement of maritime routes and traffic diversions within Vietnam's territorial sea Decree 16/2018 / ND-CP dated February 2, 2018 of Government on the announcement of maritime routes and traffic flows within Vietnam's territorial sea

III	Thông tư của Bộ Giao thông vận tải
1	Thông tư số 31/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ hàng hải
2	Thông tư số 44/2016/TT-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Thanh Hóa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa
3	Thông tư số 24/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, vận hành hệ thống AIS
4	Thông tư số 27/2016/TT-BGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2016 Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận Vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải
5	Thông tư số 29/2016/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cách thức phân chia tiền công cứu hộ của thuyền bộ tàu biển Việt Nam
6	Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải
7	Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam

III	The Circulars issued by Ministry of Transport
1	Circular No. 31/2016 / TT-BGTVT dated October 31, 2016 of the Ministry of Transport regulation the organization and operation of maritime Administration
2	Circular No. 44/2016 / TT-BGTVT dated December 26, 2016 of the Ministry of Transport announcing the seaport waters in the territory of Thanh Hoa province and areas under the management of the Thanh Hoa Maritime Administration
3	Circular No. 24/2016 / TT-BGTVT dated September 15, 2016 of the Ministry of Transport, promulgating economic and technical norms for the management and operation of AIS system
4	Circular No. 27/2016 / TT-BGTVT dated October 12, 2016 of the Ministry of Transport, providing for the training, issuance and revocation of the Certificate of Maritime Pilot Qualification and the Certificate of Flower Operation Area. marine consumption
5	Circular No. 29/2016 / TT-BGTVT dated October 20, 2016 of the Ministry of Transport regulating the method of dividing the salvage remuneration of crews on Vietnamese ship
6	Circular No. 30/2016/TT-BGTVT dated October 28, 2016 of the Ministry of Transport regulating procedures for submission and verification of Sea-protests
7	Circular No. 37/2016 / TT-BGTVT dated November 25, 2016 of the Ministry of Transport regulating professional standards, professional certificates, training, crew training and minimum safety manning of Vietnamese sea-going vessels

8	Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam
9	Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam
10	Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển
11	Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam
12	Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 quy định chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam
13	Thông tư số 01/2020/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải
14	Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Việt Nam

8	Circular No. 40/2016 / TT-BGTVT dated December 7, 2016 of the Ministry of Transport regulations Vietnamese sea-going vessel registration
9	Circular No. 41/2016 / TT-BGTVT dated December 16, 2016 of the Ministry of Transport regulating the list of certificates and documents of ships, public-duty vessels, diving ships, floating warehouses and trusses Vietnam mobile
10	Circular No. 13/2017 / TT-BGTVT dated April 28, 2017 of the Ministry of Transport regulating shipping agent
11	Circular No. 17/2017 / TT-BGTVT dated May 31, 2017, requirements of foreign seafarers working onboard Vietnamese-flagged ships
12	Circular No. 23/2017 / TT-BGTVT dated July 28, 2017 regulating rank and duties according to the rank of crew members and registration of crew members working on Vietnamese seagoing vessels
13	Circular No. 01/2020 / TT-BGTVT dated 20 January 2020 of the Ministry of Transport, providing for reporting and investigation of marine accidents
14	Circular No. 41/2017 / TT-BGTVT dated November 14, 2017 of the Ministry of Transport regulating samples of required documents and bidding documents for leasing port infrastructure, wharves and ports shallow invertment by state capital

15	<p>Thông tư số 46/2017/TT-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường khivận chuyển hàng nguy hiểm bằng tàu biển</p>
16	<p>Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải</p> <p>Thông tư 07/2019/TT-BGTVT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 52/2017/tt-bgtvt ngày 29 tháng 12 năm 2017 của bộ trưởng bộ giao thông vận tải về bảo trì công trình hàng hải</p>

15	Circular No. 46/2017 / TT-BGTVT dated November 27, 2017 providing for safety and prevention of pollution from carriage of dangerous goods by sea
16	Circular No. 52/2017 / TT-BGTVT dated December 29, 2017 of the Ministry of Transport regulating the maintenance of marine structures Circular 07/2019 / TT-BGTVT dated February 14, 2019 of the Ministry of Transport amending and supplementing a number of articles of the Minister's Circular No. 52/2017 / tt-bgtvt dated December 29, 2017 transportation on marine maintenance works